

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CHO KỲ TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2009**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	04
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	05
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	06 - 20

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần NTACO (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch
Bà Võ Thị Hồng Hạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Sĩ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên
Ông Phan Ngọc Phước	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
Ông Phan Ngọc Phước	Phó Tổng Giám

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục .

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

**Nguyễn Tuấn Anh**  
**Tổng Giám đốc**  
*An Giang, ngày 30 tháng 09 năm 2009*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)  
Quý III năm 2009

**An Giang**, ngày 30 tháng 09 năm 2009

**MẪU B 01b-DN**

**Đơn vị: VND**

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/09/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>444.366.699.676</b>	<b>260.428.005.376</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>12.980.326.571</b>	<b>3.512.810.872</b>
1. Tiền	111	5	12.980.326.571	3.512.810.872
2. Các khoản tương đương tiền	112			-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>13.685.000.000</b>	<b>15.060.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	13.685.000.000	15.060.000.000
<b>III. Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>7</b>	<b>216.290.288.634</b>	<b>99.015.831.791</b>
1. Phải thu khách hàng	131		125.560.090.924	64.979.133.528
2. Trả trước cho người bán	132		44.885.110.167	29.223.245.090
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		35.550.943.242	
5. Các khoản phải thu khác	135		10.920.754.158	5.440.063.029
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(626.609.857)	(626.609.857)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>185.302.174.217</b>	<b>139.144.989.965</b>
1. Hàng tồn kho	141	8	185.302.174.217	139.144.989.965
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.108.910.254</b>	<b>3.694.372.748</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		66.517.501	10.754.768
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.848.456.878	2.437.835.059
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		342.986.357	206.369.947
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	13.850.949.518	1.039.412.974
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>106.001.048.793</b>	<b>102.688.048.877</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			<b>4.720.000.000</b>
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
4. Phải thu dài hạn khác	218	10		4.720.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>104.362.078.971</b>	<b>96.707.325.612</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	61.901.857.928	47.376.204.206
- Nguyên giá	222		82.553.041.769	63.863.285.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.651.183.841)	(16.487.081.264)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	<b>4.444.122.393</b>	<b>2.824.825.341</b>
- Nguyên giá	225		6.404.430.820	4.451.287.228
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.960.308.427)	(1.626.461.887)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	<b>24.552.424.821</b>	<b>24.819.424.821</b>
- Nguyên giá	228		24.552.424.821	24.819.424.821
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	13.463.673.829	21.686.871.244
<b>V. Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.638.969.822</b>	<b>1.260.723.265</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	1.251.548.296	873.301.739
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			-
3. Tài sản dài hạn khác	268		387.421.526	387.421.526
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>550.367.748.469</b>	<b>363.116.054.253</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2009

**MẪU B 01b-DN**  
Đơn vị: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/09/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>418.763.562.626</b>	<b>254.482.385.738</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>404.242.824.335</b>	<b>239.351.416.528</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	316.212.906.524	202.010.381.789
2. Phải trả người bán	312		43.170.108.239	32.111.548.971
3. Người mua trả tiền trước	313		2.588.002.024	583.640.875
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	4.354.514.109	1.452.078.728
5. Phải trả công nhân viên	315		1.627.760.412	-
6. Chi phí phải trả	316			-
7. Phải trả nội bộ	317		35.536.808.599	8.985.600
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		752.724.428	3.184.780.565
10. Dự phòng phải trả nợ ngắn hạn	320			-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.520.738.291</b>	<b>15.130.969.210</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	18	14.419.975.821	15.029.245.540
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		100.762.470	101.723.670
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>	<b>19</b>	<b>131.604.185.843</b>	<b>108.633.668.515</b>
<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>131.694.287.731</b>	<b>108.491.272.530</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		219.332.468	
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		31.474.955.263	8.491.272.530
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(90.101.888)</b>	<b>142.395.985</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(90.101.888)	142.395.985
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>550.367.748.469</b>	<b>363.116.054.253</b>

**Nguyễn Tuấn Anh**  
**Tổng Giám đốc**  
An Giang, ngày 30 tháng 09 năm 2009

**Lê Thị Bích Thủy**  
**Kế toán trưởng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

**Mẫu số B 02b -DN**  
**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**  
**Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**(Dạng đầy đủ)**  
**Quý 3 năm 2009**

*Đơn vị tính : VN đồng*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 năm 2009		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4		5	
1	1	VI.25	144.173.724.687	76.389.375.894	369.669.903.347	236.911.898.526
2	2		400.896.572	506.820.910	4.454.758.149	540.863.410
3						236.911.898.526
	10		143.772.828.115	75.882.554.984	365.215.145.198	236.371.035.116
4	11	VI.27	120.898.269.349	53.309.875.410	312.792.519.705	184.926.751.892
5	20		22.874.558.766	22.572.679.574	52.422.625.493	51.444.283.224
6	21	VI.26	6.676.562.214	1.499.168.505	10.542.051.268	2.597.946.092
7	22	VI.28	6.021.849.522	6.263.300.947	15.595.370.365	13.354.203.144
	23		5.998.334.970	6.135.760.424	15.296.481.164	12.518.203.190
8	24		5.966.500.432	7.959.953.086	13.361.117.390	16.230.705.846
9	25		3.030.295.345	2.346.070.168	9.165.432.696	6.463.606.561
10	30		14.532.475.681	7.502.523.878	24.842.756.310	17.993.713.765
11	31		54.165.667	136.363.636	867.604.174	900.026.434
12	32		18.546.238		32.928.821	400
13	40		35.619.429	136.363.636	834.675.353	900.026.034
14	50		14.568.095.110	7.638.887.514	25.677.431.663	18.893.739.799
15	51	VI.30	1.456.809.511	452.011.950	2.645.748.930	1.588.517.096
16	52	VI.30				
17	60		13.111.285.599	7.186.875.564	23.031.682.733	17.305.222.703
18	70					

**Tổng Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2009

**MẪU B 03b-DN**  
**Đơn vị: VND**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I, Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1, Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>23.031.682.733</b>	<b>17.305.222.703</b>
<b>2, Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	2		4.248.300.586	3.489.057.469
- Các khoản dự phòng	3			-469.957.393
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		-112.796.170	-700.198.220
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		11.641.156.853	-5.213.325.449
- Chi phí lãi vay	6		298.889.201	13.959.070.957
<b>3, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>39.107.233.203</b>	<b>28.369.870.067</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		14.027.250.808	-29.711.878.500
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		<b>-121.377.621.278</b>	<b>-56.396.847.024</b>
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11			60.829.634.557
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-4.328.794.140	3.572.102.573
- Tiền lãi vay đã trả	13		713.105	-13.959.070.957
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		142.903.017	-1.035.010.034
- Tiền thụ khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Dòng tiền khác	16		232.497.873	-23.306.919.280
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>-72.195.817.412</b>	<b>-33.138.469.085</b>
<b>II, Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1, Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-3.443.742.354	-15.872.014.155
2, Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		85.413.487	1.430.052.160
3, Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4, Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5, Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-10.475.000.000	-12.862.500.000
6, Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		11.850.000.000	8.895.000.000
7, Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>-1.983.328.867</b>	<b>-18.409.461.995</b>
<b>III, Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1, Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
3, Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		717.206.961.925	543.444.201.510
4, Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-631.756.762.306	-466.562.913.407
5, Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-1.755.537.641	-476.231.841
6, Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-48.000.000	-24.750.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>83.646.661.978</b>	<b>51.655.056.262</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>9.467.515.699</b>	<b>107.125.182</b>
<b>(50 = 20+30+40)</b>				
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>3.512.810.872</b>	<b>3.369.977.296</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái</b>	<b>61</b>			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>12.980.326.571</b>	<b>3.477.102.478</b>
<b>(70 = 50+60+61)</b>				

Nguyễn Tuấn Anh  
Tông Giám đốc  
An Giang, ngày 30 tháng 09 năm 2009

Lê Thị Bích Thủy  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Số 99 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý  
Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần NTACO (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ Công ty TNHH Tuấn Anh - Thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 5202000016 ngày 15 tháng 08 năm 2000 và Giấy phép kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 12 năm 2004.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5203000066 ngày 11 tháng 04 năm 2007, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 4 ngày 19 tháng 03 năm 2008.

Tổng vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2009 là 1.361 người.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Chế biến thủy sản; Nuôi cá; Mua bán cá và thủy sản; Sản xuất thức ăn chăn nuôi; Chế biến mua bán nông sản; Xay sát thóc lúa, đánh bóng gạo; Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Mua bán phân bón; Gia công hàn tiện, lắp ráp các sản phẩm cơ khí chày nổ; Sản xuất thức ăn thủy sản; Mua bán thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản...

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09.

**3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN MỚI**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**Số 99 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý  
Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	18 – 50
Máy móc và thiết bị	8 – 12
Thiết bị văn phòng	3 – 5
Phương tiện vận tải	8 – 15

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Số 99 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý  
Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất. Công ty không trích khấu hao quyền sử dụng đất vì đây là quyền sử dụng lâu dài.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Máy móc, thiết bị

**Số năm**

10

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy phép Đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, các chi phí tiếp thị, quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Trong năm Công ty tạm ghi nhận doanh thu của một số công trình xây dựng theo số tiền nhận được và kết chuyển giá vốn các công trình này bằng doanh thu tương ứng (không phát sinh lỗ/lãi).

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Số 99 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý  
Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 01/CN.UB ngày 15 tháng 01 năm 2003, giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 72/CN.UB ngày 16 tháng 8 năm 2004 của UBND Tỉnh An Giang thì Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 25%, được miễn thuế TNDN 01 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN cho 04 năm tiếp theo đối với dự án Nhà máy thủy sản đông lạnh xuất khẩu Tuấn Anh và dự án Mở rộng phân xưởng 2. Ngoài ra Công ty còn được giảm 20% số thuế TNDN phải nộp cho phần thu nhập có được do xuất khẩu trong trường hợp doanh thu xuất khẩu chiếm trên 50% tổng doanh thu. Công ty cũng được miễn các thuế nhập khẩu cho máy móc thiết bị nhập khẩu hình thành tài sản cố định thuộc dự án đã nêu ở trên. Trong năm 2009, thuế suất thuế TNDN áp dụng với công ty là 20%, Công ty được miễn 50% tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và miễn 20% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ xuất khẩu do tỷ lệ doanh thu xuất khẩu chiếm trên 50% tổng doanh thu trong năm tài chính.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 52121000073 của UBND Tỉnh An Giang ký ngày 11 tháng 10 năm 2007, đối với dự án Xây dựng vùng nuôi trồng thủy sản 1 thì Công ty được miễn thuế TNDN 02 năm đầu, và giảm 50% cho 02 năm tiếp theo.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 52121000085 của UBND Tỉnh An Giang ký ngày 10 tháng 10 năm 2007, đối với dự án Chi nhánh chế biến thức ăn thủy sản việt thái thì Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% cho 12 năm và, miễn thuế TNDN 03 năm đầu, và giảm 50% cho 07 năm tiếp theo.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**Số 99 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý  
Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/09/2009</u> VND	<u>01/01/2009</u> VND
Tiền mặt	3.834.387.441	141.644.722
Tiền gửi ngân hàng	9.145.939.130	3.371.166.150
<b>Cộng</b>	<b><u>12.980.326.571</u></b>	<b><u>3.512.810.872</u></b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	<u>30/09/2009</u> VND	<u>01/01/2009</u> VND
<b>Chi nhánh Ngân hàng Phát triển An Giang</b>		
Hợp đồng tiền gửi số 805C000211, thời hạn 12 tháng.		1.550.000.000
Lãi trả một lần cùng tiền gốc khi đến hạn.		
Tiền gửi tiết kiệm tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển An Giang.		360.000.000
Ký quỹ cho Hợp đồng số 04/2009/HĐTD	3.000.000.000	
Ký quỹ cho Hợp đồng số 05/2009/HĐTD	6.750.000.000	
Ký quỹ cho Hợp đồng số 01.04.05/2009/CTTC-CNHCM	125.000.000	
Nộp TK NHNT An Giang	600.000.000	1.650.000.000
Tiền gửi tiết kiệm.	3.210.000.000	11.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>13.685.000.000</u></b>	<b><u>15.060.000.000</u></b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	<u>30/09/2009</u> VND	<u>01/01/2009</u> VND
Phải thu của khách hàng	125.560.090.924	64.979.133.528
Trả trước cho người bán	44.885.110.167	29.223.245.090
Phải thu nội bộ ngắn hạn	35.550.943.242	
Các khoản phải thu khác	10.920.754.158	5.440.063.029
Dự phòng phải thu khó đòi	-626.609.857	-626.609.857
<b>Cộng</b>	<b><u>216.290.288.634</u></b>	<b><u>99.015.831.791</u></b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/09/2009</u> VND	<u>01/01/2009</u> VND
Công cụ, dụng cụ	2.321.575.390	1.568.004.694
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	89.974.217.919	46.368.926.094
Thành phẩm	68.187.701.879	74.014.730.853
Hàng hóa	2.406.304.237	606.227.134
Nguyên vật liệu	22.412.374.792	16.587.101.190
<b>Cộng</b>	<b><u>185.302.174.217</u></b>	<b><u>139.144.989.965</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-
<b>Cộng</b>	<b><u>185.302.174.217</u></b>	<b><u>139.144.989.965</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**Số 99 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý  
Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/09/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	66.517.501	
Tạm ứng	13.850.949.518	1.039.412.974
Thuế GTGT được khấu trừ	1.848.456.878	
Thuế và các khoản phải thu NN	342.986.357	
<b>Cộng</b>	<b>16.108.910.254</b>	<b>1.039.412.974</b>

**10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	<b>30/09/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu của các đối tượng</b>		<b>4.720.000.000</b>
Lâm Thị Phụng		2.800.000.000
Nguyễn Hiền		960.000.000
Võ Thị Thủy Tiên		960.000.000
<b>Cộng</b>		<b>4.720.000.000</b>

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 30/06/2009	32.364.161.014	41.497.279.885	4.565.298.737	1.017.968.668	79.444.708.304
Tăng trong kỳ	883.366.948	2.197.695.607		27.270.910	3.108.333.465
Thanh lý, nhượng bán					
Tại ngày 30/09/2009	<b>33.247.527.962</b>	<b>43.694.975.492</b>	<b>4.565.298.737</b>	<b>1.045.239.578</b>	<b>82.553.041.769</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>					
Tại ngày 31/06/2009	3.548.011.679	12.152.143.143	3.207.932.598	260.215.668	19.168.303.088
Trích khấu hao	505.080.753	500.000.000	300.000.000	200.000.000	1.505.080.753
Thanh lý, nhượng bán		22.200.000			22.200.000
Tại ngày 30/09/2009	<b>4.053.092.432</b>	<b>12.629.943.143</b>	<b>3.507.932.598</b>	<b>460.215.668</b>	<b>20.651.183.841</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/06/2009	<b>28.816.149.335</b>	<b>29.345.136.742</b>	<b>1.357.366.139</b>	<b>757.753.000</b>	<b>60.276.405.216</b>
Tại ngày 30/09/2009	<b>29.194.435.530</b>	<b>31.065.032.349</b>	<b>1.057.366.139</b>	<b>585.023.910</b>	<b>61.901.857.928</b>

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 31/06/2009	5.878.332.032	526.098.788	6.404.430.820
Tăng trong kỳ			
Tại ngày 30/09/2009	5.878.332.032	526.098.788	6.404.430.820
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 31/06/2009	1.792.639.733	56.386.514	1.849.026.247
Trích khấu hao trong kỳ	111.282.180		111.282.180
Tại ngày 30/09/2009	1.903.921.913	56.386.514	1.960.308.427
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/06/2009	4.085.692.299	469.712.274	4.555.404.573
Tại ngày 30/09/2009	3.974.410.119	469.712.274	4.444.122.393

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 31/06/2009	24.552.424.821
Giảm trong kỳ	
Tại ngày 30/09/2009	24.552.424.821
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 31/06/2009	-
Khấu hao trong kỳ	-
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-
Tại ngày 30/09/2009	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/06/2009	24.552.424.821
Tại ngày 30/09/2009	24.552.424.821

**14. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG**

	<u>30/09/2009</u> <b>VND</b>	<u>01/01/2009</u> <b>VND</b>
Công trình nhà nghỉ công nhân	1.706.811.137	2.196.698.891
Công trình khu nuôi cá	7.549.120.023	5.637.448.690
Công trình nhà nghỉ chuyên gia	4.901.230	838.810.553
Công trình nhà máy Bao bì	39.571.119	3.693.903.750
Sửa chữa lớn Tài sản cố định	1.628.655.244	759.534.352
Công trình cầu Cảng cá	36.870.192	384.547.774
Công trình Nhà trầu	2.818.182	2.818.182
Công trình Nhà chế biến phụ phẩm	952.705.186	208.388.075
Mua sắm tài sản cố định		2.164.830.700
Công trình nhà máy thức ăn Việt Thái	40.198.520	5.799.890.277
Mở rộng NMDL	1.502.022.996	
<b>Cộng</b>	<b><u>13.463.673.829</u></b>	<b><u>21.686.871.244</u></b>

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>Quý 3/2009</u> <b>VND</b>	<u>Năm 2008</u> <b>VND</b>
<b>Tại ngày 01 tháng 01</b>	<b>873.301.739</b>	<b>5.646.859.937</b>
Tăng trong kỳ	1.804.952.909	1.487.701.740
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(1.426.706.352)	(6.261.259.938)
<b>Tại ngày 30 tháng 06</b>	<b><u>1.251.548.296</u></b>	<b><u>873.301.739</u></b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/09/2009</u> <b>VND</b>	<u>01/01/2009</u> <b>VND</b>
<b>Thuế</b>		
Thuế giá trị gia tăng	1.738.064.700	993.407.626
Thuế tiêu thụ đặc biệt		
Thuế xuất nhập khẩu		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.583.109.409	458.671.102
Thuế TNCN	33.340.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>4.354.514.109</u></b>	<b><u>1.452.078.728</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**Số 99 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý  
Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***17. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>30/09/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>		
<b><u>Ngân hàng ngoại thương An Giang:</u></b>		
Số dư của khoản vay từ Ngân hàng ngoại thương An Giang là số dư nợ gốc của Hợp đồng vay số 488/2008/NHNT.AG ngày 03 tháng 12 năm 2008 hạn mức tín dụng là 90.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.	89.860.000.000	89.975.406.000
Số dư của khoản vay từ Ngân hàng ngoại thương An Giang là số dư nợ gốc của Hợp đồng vay số 58/2009/NHNT.AG Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.	9.794.162.576	
Số dư HĐ 249-18/8/2009	18.600.000.000	
<b><u>Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn An Giang:</u></b>		
Số dư của khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn An Giang là số dư nợ gốc của Hợp đồng vay số 22A-BS/HDTD ngày 04 tháng 03 năm 2008 với tổng số tiền vay là 15.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.	15.000.000.000	15.000.000.000
Số dư của khoản vay từ Ngân Hàng TMCP EXIMBANK	10.000.000.000	
<b>Vay ngắn hạn các đối tượng khác</b>		
- Thái Văn Sa Hợp đồng số 39/HĐKT.TA ngày 04/10/2008 số tiền vay 1.000.000.000 đồng. Lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 01/04/2008 đến 03/01/2009.		1.000.000.000
-Vay của Huỳnh Thị Kim Quy	1.200.000.000	
-Vay của Nguyễn Thị Huỳnh	500.000.000	
-Vay của Dương Thế Nguyên	1.800.000.000	
-Công Ty Cho vay Nguyễn Thành Long	(100.000.000)	
<b>Quỹ Đầu tư Phát triển An Giang</b>		
Đây là số dư nợ gốc khoản vay ngắn hạn Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển An Giang theo hợp đồng số 03/2008/HĐHM-XK ngày 11/04/2008 hạn mức cho vay 120.000.000.000đồng; lại suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.		95.400.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**Số 99 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý  
Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Đây là số dư nợ gốc khoản vay ngắn hạn Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển An Giang theo hợp đồng số 04/2009/HĐHM-XK ; lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.	20.000.000.000	
Đây là số dư nợ gốc khoản vay ngắn hạn Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển An Giang theo hợp đồng số 05/2009/HĐHM-XK ; lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.	45.000.000.000	
Đây là số dư nợ gốc khoản vay ngắn hạn Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển An Giang theo hợp đồng số 05/2009/HĐHM-XK ; lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.	81.249.000.000	
Đây là số dư nợ gốc khoản vay ngắn hạn Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển An Giang theo hợp đồng số 05/2009/HĐHM-XK ; lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.	23.151.000.000	
<b>Cộng vay ngắn hạn</b>	<b>316.054.162.576</b>	<b>201.375.406.000</b>
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>		
Đây là số dư khoản nợ dài hạn đến hạn trả của khoản thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 01.04.05/CTTC-CNHCM ngày 24/08/2004.	158.743.948	634.975.789
<b>Cộng vay và nợ ngắn hạn</b>	<b><u>316.212.906.524</u></b>	<b><u>202.010.381.789</u></b>
<b>18. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN</b>		
	<b><u>30/09/2009</u></b>	<b><u>01/01/2009</u></b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay dài hạn</b>		
<b>Ngân hàng Ngoại thương An Giang</b>		
<b>Quỹ hỗ trợ phát triển An Giang</b>		
Số dư nợ gốc khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển An Giang (trước đây là quỹ hỗ trợ phát triển An Giang) theo Hợp đồng vay vốn số 09/2007/HĐTD ngày 09/11/2007. Hạn mức cho vay 3.500.000.000 đồng; lãi vay 9%/năm; thời hạn cho vay 72 tháng kể từ ngày nhận.	2.566.400.000	3.091.550.000
Đây là số dư nợ gốc khoản vay dài hạn thực hiện dự án Nhà Máy Chế Biến Thức Ăn Thủy Sản theo hợp đồng số 06/2008/HĐTD ngày 24/03/2008. Hạn mức vay 10.179.000.000 đồng; lãi suất 11.4% năm; thời hạn cho vay	8.898.000.000	10.179.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**Số 99 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý  
Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

<b>Cộng vay dài hạn</b>	<b>11.464.400.000</b>	<b>13.270.550.000</b>
<b>Nợ dài hạn</b>		
Số dư khoản thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng ngoại thương Việt Nam.	1.422.480.000	228.970.000
Công ty Cho thuê tài chính SACOMBANK - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.	1.341.151.821	1.529.725.540
Công ty Cho thuê tài chính II - Chi nhánh TP Cần Thơ	191.944.000	
<b>Cộng vay và nợ dài hạn</b>	<b>14.419.975.821</b>	<b>15.029.245.540</b>

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Các quỹ VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Số dư tại 31/12/2006</b>	<b>35.112.080.000</b>	<b>9.578.737.647</b>	<b>(439.130.463)</b>	<b>44.251.687.184</b>
- Tăng vốn trong năm trước	9.381.819.879	(9.381.819.879)	-	-
- Góp thêm vốn	55.506.100.121	-	-	55.506.100.121
- Lãi trong năm trước	-	23.092.209.059	-	23.092.209.059
- Trích lập các quỹ	-	(461.844.181)	461.844.181	-
- Sử dụng các quỹ	-	-	(71.153.409)	(71.153.409)
- Khác	-	(299.373.436)	223.844.000	(75.529.436)
<b>Số dư tại 31/12/2007</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>22.527.909.210</b>	<b>175.404.309</b>	<b>122.703.313.519</b>
- Lãi trong năm nay	-	19.601.838.954	-	19.601.838.954
Chia cổ tức	-	(33.000.000.000)	-	(33.000.000.000)
- Trích lập các quỹ	-	(461.844.181)	461.844.181	-
- Sử dụng các quỹ	-	-	(494.852.505)	(494.852.505)
- Giảm khác	-	(176.631.453)	-	(176.631.453)
<b>Số dư tại 31/12/2008</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>8.491.272.530</b>	<b>142.395.985</b>	<b>108.633.668.515</b>
<b>Số dư tại 30/09/2009</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>28.854.930.398</b>	<b>(90.101.888)</b>	<b>128.764.828.510</b>

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại 30/09/2009**

<b>Cổ đông</b>	<b>Cơ cấu sở hữu</b>			<b>Trong đó</b>		<b>Giá trị vốn thực góp tại 30/09/2009 (VND)</b>
	<b>Số cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>Giá trị (VND)</b>	<b>CP phổ thông</b>	<b>CP ưu đãi</b>	
Nguyễn Tuấn Anh	5.500.000	55%	55.000.000.000	5.500.000	-	55.000.000.000
Nguyễn Tuấn Sĩ	500.000	5%	5.000.000.000	500.000	-	5.000.000.000
Võ Thị Hồng Hạnh	500.000	5%	5.000.000.000	500.000	-	5.000.000.000
Võ Thị Thủy Tiên	1.005.829	10.06%	10.058.290.000	1.005.829	-	10.058.290.000
Những cổ đông khác	2.494.171	24.94%	24.941.710.000	2.494.171	-	24.941.710.000
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>10.000.000</b>	<b>-</b>	<b>100.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**Số 99 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý  
Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Các quỹ**

	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ	-	-	142.395.985	142.395.985
Trích lập quỹ trong kỳ	-	-		
Sử dụng quỹ trong kỳ	-	-	232.497.873	232.497.873
Số dư cuối kỳ	-	-	<b>(90.101.888)</b>	<b>(90.101.888)</b>

Quỹ khen thưởng phúc lợi được sử dụng để hỗ trợ các hoạt động phúc lợi của địa phương và các ban ngành và giải quyết các chính sách cho Cán bộ công nhân viên.

**20. DOANH THU**

	Quý 3/2009 VND	Năm 2008 VND
<b>- Tổng doanh thu</b>	<b>144.173.724.687</b>	<b>387.786.799.256</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu bán hàng	124.752.296.565	353.897.891.286
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	622.806.672	7.780.318.303
+ Doanh thu Thủy sản - Vùng nuôi	18.798.621.450	26.108.589.667
<b>- Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>400.896.572</b>	<b>2.120.311.010</b>
+ Hàng bán bị trả lại	400.896.572	2.120.311.010
<b>- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>143.772.828.115</b>	<b>385.666.488.246</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hóa	124.351.399.993	351.777.580.276
+ Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	622.806.672	7.780.318.303
+ Doanh thu thủy sản - Vùng nuôi	18.798.621.450	26.108.589.667

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý 9/2009 VND	Năm 2008 VND
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	120.702.822.463	300.806.967.379
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	195.446.886	12.471.350.350
<b>Cộng</b>	<b>120.898.269.349</b>	<b>313.278.317.729</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý 3/2009 VND	Năm 2008 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.176.062.214	5.044.364.385
- Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá	1.500.500.000	1.064.845.298
<b>Cộng</b>	<b>6.676.562.214</b>	<b>6.109.209.683</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**Số 99 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý  
Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Quý 3/2009</u> VND	<u>Năm 2008</u> VND
- Lãi tiền vay	5.998.334.970	18.612.094.609
- Lỗ đánh giá chênh lệch tỷ giá gốc ngoại tệ	23.514.552	131.247.671
<b>Tổng</b>	<b><u>6.021.849.522</u></b>	<b><u>18.743.342.280</u></b>

**24. HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	<u>Quý 3/2009</u> VND	<u>Năm 2008</u> VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định		1.906.736.213
Thu nhập khác	54.165.667	-
<b>Thu nhập khác</b>	<b><u>54.165.667</u></b>	<b><u>1.906.736.213</u></b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý		527.855.504
Chi phí khác	18.546.238	-
<b>Chi phí khác</b>	<b><u>18.546.238</u></b>	<b><u>527.855.504</u></b>
<b>Lãi từ hoạt động khác</b>	<b><u>35.619.429</u></b>	<b><u>1.378.880.709</u></b>

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>Quý 3/2009</u> VND	<u>Năm 2008</u> VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.532.475.681	21.073.162.955
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		-
- Tổng thu nhập chịu thuế	14.532.475.681	20.867.898.854
- Số thuế thu nhập phải nộp	2.913.619.022	4.214.632.591
- Miễn, giảm thuế TNDN	1.052.574.168	2.145.505.103
- Giảm do doanh thu xuất khẩu vượt 50% tổng doanh thu (**)	404.235.343	597.803.487
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.456.809.511	1.471.324.001
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<b><u>13.111.285.599</u></b>	<b><u>19.601.838.954</u></b>

(\*\*) Trong quý 3 năm 2009 doanh thu xuất khẩu cả đông lạnh của Công ty chiếm 69,54% tổng doanh thu. Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn tương ứng là (Lợi nhuận trước thuế x 69,54%x20%x20%) **404.235.343** đồng.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**Số 99 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý  
Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2009**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***26. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty không phát sinh khoản công nợ tiềm tàng nào đến thời điểm 30/09/2009.

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>30/09/2009</u> VND	<u>01/01/2009</u> VND
<b>Mua hàng</b>		
Mua từ Bà Võ Thị Thủy Tiên		1.822.921.800
<b>Số dư với các bên liên quan:</b>		
	<u>30/09/2009</u> VND	<u>01/01/2009</u> VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Võ Thị Thủy Tiên		4.477.078.200
<b>Thu nhập và các khoản vay của Ban Giám đốc</b>		
Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	<u>30/09/2009</u> VND	<u>01/01/2009</u> VND
Lương	135.000.000	264.000.000
Tiền thưởng		17.000.000
	<u>135.000.000</u>	<u>281.000.000</u>

**28. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Công ty không có khoản cam kết nào tính đến ngày 30/09/2009.

**29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty không có khoản cam kết thuê hoạt động nào tính đến ngày 30/09/2009.

**30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**Số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 là số liệu đã được kiểm toán bởi công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính (ACAGroup) - **Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International**. Một số chỉ tiêu được phân loại lại.

\*

\* \*